

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2020.

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/5/2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019, giai đoạn 2015-2020 và triển khai kế hoạch năm 2020, phương hướng giai đoạn 2020 – 2025.

2.1. Kết quả SXKD năm 2019

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Đơn vị	KH 2019	TH 2019	
				Giá trị	%so KH
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.200,00	1.770,59	148%
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	38,92	43,71	112%
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	38,74	43,03	111%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	6,53	8,91	136%

2.2. Kết quả SXKD giai đoạn 2015-2019

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	931,92	983,51	989,74	1.261,32	1.770,59
2	Lợi nhuận trước thuế	14,83	26,06	29,16	35,03	43,71

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
3	Lợi nhuận sau thuế	14,72	26,05	28,84	34,74	43,03
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	4%	5%	6%	7%	8%
5	Nộp NSNN	38,65	16,56	13,72	9,05	8,91

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tổng kết nhiệm kỳ 2015-2020.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

- Báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm 2019.

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

STT	Nội dung	Tỷ lệ phân phối	Số tiền (đồng)
I	Vốn góp của chủ sở hữu (MS 411)		386.386.000.000
II	Lợi nhuận sau thuế (MS 61) - BCTC HN		41.694.432.686
III	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		36.331.156.250
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	= II x 10%	4.169.443.269
2	Quỹ thưởng Ban điều hành	= II x 3%	1.250.832.981
3	Chi trả cổ tức	= I x 8%	30.910.880.000
III	Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối		5.363.276.436

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) (Theo Kế hoạch SXKD năm 2020)	Tỷ đồng	41,60
2	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	% x LNST	10%
2.2	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	% x LNST	3%
2.3	Kế hoạch chia cổ tức năm 2020	% x VDL	10%

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm chi trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và lợi ích của cổ đông.

6. Danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.

7. Quyết toán tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và phương án chi trả tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2020.

7.1. Quyết toán tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019:

- Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị:
 - + Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT được chi trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 2.065.849.572 đồng.
 - + Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 72.000.000 đồng (3.000.000 đ/người/tháng).
- Tiền lương/thù lao của Ban kiểm soát:
 - + Trưởng Ban kiểm soát được chi trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 555.504.069 đồng.
 - + Ủy viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 48.000.000 đồng (2.000.000đ/người/tháng).

7.2. Phương án chi trả tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020:

- Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT; Trưởng Ban kiểm soát và Ủy viên Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ủy viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm:
 - + Thù lao của Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000đ/người/tháng
 - + Thù lao của Ủy viên BKS kiêm nhiệm: 2.000.000đ/người/tháng

8. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

8.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.500,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	960,00

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2020
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	42,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	40,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	41,60
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	40,00
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	7,00
5	Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, Đầu tư mua sắm trang thiết bị	Nt	13,42
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10

8.2. Nhiệm vụ trọng tâm.

- Bố trí nguồn lực thực hiện các dự án, hợp đồng đã ký kết đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Tích cực tham gia, cung cấp thiết bị, vật tư đầu vào cho công tác sản xuất và công tác sửa chữa, bảo dưỡng hạ tầng, công trình xây dựng của các nhà máy điện, đặt mục tiêu chất lượng, hiệu quả lên hàng đầu. Đồng thời xây dựng chương trình khảo sát các nhà máy điện và hợp tác các nhà thầu cung cấp thiết bị OEM để tìm kiếm có hội phát triển SXKD, đặt mục tiêu trở thành nhà phân phối chính thức tại Việt Nam của các nhà cung cấp thiết bị cho các dự án điện.

- Tập trung quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ. Cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch thu hồi nợ chi tiết.

+ Thường xuyên theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ các phương án kinh doanh đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh các khoản nợ quá hạn mới.

- Chuyển giao dịch cổ phần trên sàn HOSE.

9. Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và chủ trương hợp tác, đầu tư, góp vốn vào dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác

9.1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất điện	3511
2	Truyền tải và phân phối điện	3512
3	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
5	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
6	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8	Bán mô tô, xe máy	4541
9	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10	Bán phụ tùng và các bộ phận trợ phụ của mô tô, xe máy	4543

9.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty do bổ sung ngành nghề kinh doanh trên và sắp xếp lại theo đúng thứ tự mã ngành, cụ thể theo bảng đính kèm.

9.3. Chủ trương tìm kiếm cơ hội, nghiên cứu, hợp tác đầu tư, góp vốn dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành. Báo cáo kết quả tình hình thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

10. Niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí với mã PVM trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết, thực hiện niêm yết cổ phiếu PVM trên HOSE khi đáp ứng đủ điều kiện, yêu cầu, đảm bảo lợi ích của cổ đông và đúng theo các quy định hiện hành.

11. Chấp thuận bầu Ông Lê Ngọc Sơn, sinh ngày 18/6/1971, Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP (PV Power) tại Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMACHINO), Giám đốc PVMACHINO làm Ủy viên Hội đồng quản trị PVMACHINO thay ông Nguyễn Đình Trung từ ngày 07/4/2020.

12. Danh sách trúng cử bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 5 thành viên:

- Ông Nguyễn Tiến Hải
- Ông Vũ Đức Tiến
- Ông Phạm Văn Hiệp
- Ông Lê Ngọc Sơn
- Ông Nguyễn Minh Tuấn

13. Danh sách trúng cử bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 3 thành viên:

- Bà Lý Thu Vân
- Bà Hà Thị Thanh Hậu
- Bà Nguyễn Thị Thu Hòa

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí thông qua toàn văn tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 96,81% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: 

- Cổ đông PVMACHINO;
- Thành viên HĐQT; BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT




Phạm Văn Hiệp

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

*(Kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí)*

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;	181
2	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít;	20221
3	Sản xuất cấu kiện kim loại;	2511
4	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;	2512
5	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;	27320
6	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;	27400
7	Sản xuất đồ điện dân dụng;	27500
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
9	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313
10	Sửa chữa thiết bị điện;	3314
11	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;	3315
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	33200
13	Sản xuất điện	3511
14	Truyền tải và phân phối điện	3512
15	Xây dựng nhà các loại;	4100
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;	4290
17	Lắp đặt hệ thống điện;	432
18	Lắp đặt hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí;	4322
19	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;	43290
20	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
21	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
22	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
23	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
24	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

STT	Tên ngành	Mã ngành
25	Bán mô tô, xe máy	4541
26	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27	Bán phụ tùng và các bộ phận trợ phụ của mô tô, xe máy	4543
28	Đại lý;	46101
29	Môi giới;	46102
30	Bán buôn đồ điện gia dụng;	46495
31	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
32	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;	46530
34	Bán buôn phương tiện vận tải;	4659
35	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	46591
36	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	46592
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;	46594
38	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	46595
39	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	46599
40	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
41	Bán buôn kim loại và quặng kim loại;	4662
42	Bán buôn sắt thép;	46622
43	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
44	Bán buôn sơn, vecni;	46635
45	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
46	Bán buôn hóa chất;	46691
47	Bán buôn hóa chất khác;	46692
48	Bán buôn cao su;	46694
49	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	46697
50	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771

STT	Tên ngành	Mã ngành
51	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;	4933
52	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá;	5210
53	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;	52101
54	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa;	5224
55	- Giao nhận hàng hóa; Giao hàng - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
56	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn;	5510
57	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
58	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;	6329
59	Kinh doanh bất động sản;	68100
60	Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810
61	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;	8559
62	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;	8560
63	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;	95110
64	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;	9522
65	- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 220kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 110kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 35kv, các công trình nguồn điện;	Điều 1-9- Quyết định số 32/2006/ QĐ-BCN ngày 06/9/2006
66	Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài;	
	Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.	

